

Bản án số: 45/2022/HS-ST

Ngày 23 - 9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang T

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoài Linh

2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 50/2022/TLST- HS, ngày 12 tháng 9 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Tô Văn T; tên gọi khác: không, sinh ngày 07/5/1993; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: xóm CL, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề Nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính Q, đoàn thể): Không; Con ông: Tô Văn H (Đã chết); Con bà: Trần Thị K, sinh năm: 1967; Gia đình có 04 chị em bị cáo là con thứ 4; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/6/2022 đến ngày 16/6/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn Q; tên gọi khác: không, sinh ngày 09/9/1986; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: xóm ĐH, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề Nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính Q, đoàn thể): Không; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1964; Con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1966; Gia đình có 03 anh em bị cáo là con thứ nhất; Có vợ là: Trần Thu A, sinh

năm 1990; Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, từ ngày 13/6/2022 đến ngày 16/6/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú.

3. Họ và tên: Bùi Trọng Q; tên gọi khác: không, sinh ngày 25/3/1993; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: xóm Suối Khách, xã HT, huyện Đ, Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề Nghiệp: lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính Q, đoàn thể): Không; Con ông: Bùi Đình H, sinh năm 1954; Con bà: Đào Thị C sinh năm: 1966; Gia đình có 03 anh em bị cáo là con thứ 2; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, từ ngày 13/6/2022 đến ngày 16/6/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Trọng Q: Ông Đào Anh T -Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

4. Họ và tên: Lê Trung E; tên gọi khác: không, sinh ngày 23/4/1993; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: xóm ĐH, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề Nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội(Đảng, chính Q, đoàn thể): Không; Con ông: Lê Ngọc A , sinh năm 1971; Con bà: Nguyễn Thị P, sinh năm: 1971; Gia đình có 02 anh em bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/6/2022 đến ngày 16/6/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú.

5. Họ và tên: Tô Văn D; tên gọi khác: không, sinh ngày 10/01/1993; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: xóm CL, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề Nghiệp: Lái xe; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính Q, đoàn thể): Không; Con ông: Tô Văn T, sinh năm 1963; Con bà: Vi Thị T, sinh năm: 1966; Gia đình có 03 chị em bị cáo là con thứ 3; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/6/2022 đến ngày 16/6/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Chị Hoàng Thị F, sinh năm 1999 (*Vắng mặt*)

Trú tại: Xóm F, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

***Người chứng kiến:**

Anh Trần Ngọc Q, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm ĐH, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ ngày 13/6/2022, đội Cảnh sát hình sự Công an huyện Đ nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại quán bia Hải F thuộc xóm ĐH, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên do chị Hoàng Thị F làm chủ đang có một số đối tượng tụ tập đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền. Sau khi nhận thông tin, tổ công tác đội Cảnh sát hình sự Công an huyện Đ phối hợp với Công an xã HT tiến hành kiểm tra, phát hiện tại phòng riêng của quán bia có 05 đối tượng gồm: Nguyễn Văn Q, Bùi Trọng Q, Lê Trung E, Tô Văn T, Tô Văn D đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh “*Liêng*” được thua bằng tiền. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng gồm: Số tiền 7.100.000 đồng, tiền do ngân hàng nhà nước Việt Nam tại bàn các đối tượng đánh bạc và 52 Q bài tú lơ khơ, 01 bàn gỗ, 05 ghế gỗ các đối tượng sử dụng đánh bạc.

Ngoài ra tổ công tác còn thu giữ số tiền 4.011.000 đồng trong ví để trong túi quần của D; Thu giữ số tiền 2.290.000 đồng trong túi quần trước bên phải của Q; Thu giữ số tiền 3.000.000 đồng trong túi quần trước bên phải của T.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn Q, Bùi Trọng Q, Lê Trung E, Tô Văn T, Tô Văn D khai nhận: Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 13/6/2022, Nguyễn Văn Q, Bùi Trọng Q, Tô Văn D, Lê Trung E, Tô Văn T ngồi uống bia tại bàn uống bia phía ngoài gần cửa quán bia Hải F tại xóm ĐH, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên do chị Hoàng Thị F làm chủ, quá trình uống bia Q, Q, D, E, T di chuyển vào trong phòng riêng của quán ngồi uống bia vì ở ngoài lạnh, ngồi phòng đầu tiên của quán. Khi vào trong phòng Q, Q, D, E, T vào ngồi tại bàn thứ hai ở giữa để uống bia. Trong lúc uống bia thì T nhìn thấy có 01 (một) bộ bài tú lơ khơ để ở trên vách cạnh bờ tường của quán, T ra lấy bộ bài và nói với mọi người là: “*mấy anh em mình chơi liêng một tý*” lúc này cả nhóm hiểu là T rủ đánh bạc bằng hình thức đánh bài liêng được thua bằng tiền Việt Nam đồng, thì tất cả đều đồng ý. Sau đó Q, Q, D, E, T ngồi tại bàn uống bia để đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền Việt Nam đồng. Khi bắt đầu đánh bạc, E là người ra chốt cửa phòng để mọi người tham gia đánh bạc. Các đối tượng tham gia đánh bạc đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày thì bị Đội Cảnh sát hình sự Công an huyện Đ phối hợp với Công an xã HT, huyện Đ phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên.

Hình thức đánh bạc: T, Q, D, E, Q thống nhất sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 Q có sẵn tại quán bía để đánh bạc. Trước khi chơi quy ước mỗi người sẽ đặt 50.000 đồng gọi là tiền gà, Khi bắt đầu chơi mỗi người sẽ được chia 03 Q bài, người thắng ván đầu tiên sẽ là chủ bàn chơi, tiến hành đánh theo chiều ngược kim đồng hồ, những người chơi có Q tố thêm tiền hoặc bỏ bài. Mỗi người tố thêm không quá 3 lần trên một ván, tổng số tiền tố thêm trong một ván không quá 500.000 đồng, ai theo thì đặt thêm số tiền tương ứng người trước tố, ai không theo thì bỏ bài nhận thua ván đó. Nếu chỉ còn một người theo bài để đánh thì người này sẽ là người thắng cuộc. Nếu có hơn một người vẫn còn chơi thì sẽ tiến hành so bài những người này để xem ai thắng cuộc. Các bộ bài liêng xếp theo thứ tự từ lớn đến bé như sau: Sáp là 03 Q bài có số giống nhau; Liêng là có 03 Q liên tiếp không cần cùng chất; Đồng F (Đĩ): Nếu bộ bài không phải là sáp hoặc liêng nhưng tất cả 03 Q đều là đầu người (J, Q, K) thì gọi là đĩ; không phải các bộ như trên người chơi sẽ cộng điểm của 03 Q bài để tính điểm. (A; 1 điểm; J,Q: 10 điểm; K: 0 điểm). Điểm của bài chỉ tính trong trường hợp điểm lớn hơn 9 điểm. Bài sẽ so sánh như sau: Sáp > Liêng > Đĩ > 9 > 8 > ... > 0. Nếu nhiều hơn một người cùng giá trị bài, tiền trong tẩy sẽ được chia đều cho người thắng.

Trước khi đánh bạc, Tô Văn D khi tham gia đánh bạc có khoảng 5.511.000 đồng và sử dụng khoảng 1.500.000 đồng để đánh bạc đã bị thu giữ tại bàn. Còn khoảng 4.011.000 không sử dụng đánh bạc, Lê Trung E khi tham gia đánh bạc có khoảng 1.600.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc, Nguyễn Văn Q khi tham gia đánh bạc Q có khoảng 1.200.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc, Tô Văn T khi tham gia đánh bạc có khoảng 4.200.000 đồng và sử dụng khoảng 1.200.000 đồng để đánh bạc đã bị thu giữ tại bàn. Còn 3.000.000 đồng không sử dụng để đánh bạc, Bùi Trọng Q khi tham gia đánh bạc có khoảng 3.890.000 đồng và sử dụng khoảng 1.600.000 đồng để đánh bạc đã bị thu giữ tại bàn còn 2.290.000 đồng không sử dụng đánh bạc.

Vật chứng của vụ án là: 01 bàn gỗ, 05 ghế gỗ quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Hoàng Thị F nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại cho chị F quản lý sử dụng.

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 16.401.000 (Mười sáu triệu bốn trăm lẻ một nghìn đồng); 01 bộ bài tú lơ khơ gồm có 52 Q; 01 ví màu đen. Hiện đang được bảo quản theo quy định chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 46/CT-VKSDH ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Tô Văn T, Nguyễn Văn Q, Bùi Trọng Q, Lê Trung E, Tô Văn D về tội : **“Đánh bạc”** quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ Q công tố luận tội và tranh luận: Xác định tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo thể hiện qua bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Tô Văn T, Nguyễn Văn Q, Bùi Trọng Q, Lê Trung E, Tô Văn D phạm tội: “*Đánh bạc*”.

Về hình phạt áp dụng:

- Khoản 1 khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Tô Văn T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn Q từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Bùi Trọng Q từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Miễn phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 321 BLHS do bị cáo gia đình thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn.

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Trung E từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Tô Văn D từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS; Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 Q bài; 01(một) ví da màu đen.

Đối với số tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 16.401.000 (Mười sáu triệu, bốn trăm lẻ một nghìn đồng). Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 7.100.000 đồng (Bảy triệu một trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam thu giữ tại biên bản bắt người quả tang dùng vào việc đánh bạc. Số tiền không liên quan đến hành vi tội phạm nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án với bị cáo Tô Văn D là 4.011.000; Tô Văn T là 3.000.000 đồng. Hoàn trả bị cáo Bùi Trọng Q số tiền 2.290.000 đồng.

Đối với 01 bàn gỗ, 05 ghế gỗ quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Hoàng Thị F nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại cho chị F quản lý sử dụng. Chị F không có yêu cầu gì đề nghị không xem xét.

Các bị cáo T, D, E, Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật. Miễn án phí đối với bị cáo Q do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, gia đình thuộc diện cận nghèo và có đơn xin miễn án phí được chính Q xóm xã xác nhận.

Trong phần tranh luận ông Đào Anh T - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên trình bày bào chữa cho bị cáo Q:

Nhất trí với bản cáo trạng cũng như bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về hành vi phạm tội và mức hình phạt của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo Q, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đưa ra một mức án tương xứng cần mở lượng kFn hồng của pháp luật cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. Từ căn cứ trên tôi đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo Q được hưởng mức án 06 tháng tù cho hưởng án treo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời. Miễn án phí, hình phạt bổ sung đối với bị cáo Q do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, gia đình thuộc diện cận nghèo và có đơn xin miễn án phí được chính quyền xóm xã xác nhận.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, thừa nhận việc truy tố xét xử là không oan, đúng người, đúng tội, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt vì vật chứng đã được trả lại quản lý và sử dụng. Trong quá trình điều tra người bị hại đã có đầy đủ lời khai. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên. Viện kiểm sát huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào theo quy định của pháp luật; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Tô Văn T, Nguyễn Văn Q, Bùi Trọng Q, Lê Trung E, Tô Văn D đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Lời khai nhận tội của các bị cáo là khách quan phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, biên bản hiện trường, bản ảnh, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ xác định:

Hồi 22 giờ ngày 13/6/2022, tại quán bia Hải F, thuộc xóm ĐH, xã HT, huyện Đ Nguyễn Văn Q, Bùi Trọng Q, Lê Trung E, Tô Văn T, Tô Văn D đang đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền hình thức đánh bạc các bị cáo T, Q, D, E, Q thống nhất sử dụng bộ bài tứ lơ khơ 52 Q có sẵn tại quán bia để đánh bạc. Trước khi chơi quy ước mỗi người sẽ đặt 50.000 đồng gọi là tiền gà, khi bắt đầu chơi mỗi người sẽ được chia 03 quân bài, người thắng ván đầu tiên sẽ là chủ bàn chơi, tiến hành đánh theo chiều ngược kim đồng hồ, những người chơi có Q tổ thêm tiền hoặc bỏ bài. Mỗi người tổ thêm không quá 3 lần trên một ván, tổng số tiền tổ thêm trong một ván không quá 500.000 đồng, ai theo thì đặt thêm số tiền tương ứng người trước tổ, ai không theo thì bỏ bài nhận thua ván đó. Nếu chỉ còn một người theo bài để đánh thì người này sẽ là người thắng cuộc. Nếu có hơn một người vẫn còn chơi thì sẽ tiến hành so bài những người này để xem ai thắng cuộc. Các bộ bài liêng xếp theo thứ tự từ lớn đến bé như sau: Sáp là 03 Q bài có số giống nhau; Liêng là có 03 Q liên tiếp không cần cùng chất; Đồng F (Đĩ): Nếu bộ bài không phải là sáp hoặc liêng nhưng tất cả 03 Q đều là đầu người (J, Q, K) thì gọi là đĩ; không phải các bộ như trên người chơi sẽ cộng điểm của 03 Q bài để tính điểm. (A; 1 điểm; J,Q: 10 điểm; K: 0 điểm). Điểm của bài chỉ tính trong trường hợp điểm lớn hơn 9 điểm. Bài sẽ so sánh như sau: Sáp > Liêng > Đĩ > 9 > 8 > ... > 0. Nếu nhiều hơn một người cùng giá trị bài, tiền trong tẩy sẽ được chia đều cho người thắng. Thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tại bàn các bị cáo ngồi 7.100.000 đồng là số tiền các bị cáo thừa nhận sử dụng vào việc đánh bạc và một số vật chứng khác có liên quan.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Tô Văn T, Nguyễn Văn Q, Bùi Trọng Q, Lê Trung E, Tô Văn D đã phạm vào tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ.

Nội dung Điều 321 BLHS quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

2.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra theo điều luật nêu trên.

[3] Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an ở địa phương, từ việc đánh bạc có thể dẫn đến nhiều hành vi trái pháp luật khác. Vì vậy việc đưa ra xét xử đối với các bị cáo là cần thiết để răn đe, giáo dục đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo tham gia đánh bạc trong vụ án này với vai trò đồng phạm giản đơn các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội khi trước đó cùng ngồi uống bia tại quán và không có bàn bạc, ý định từ trước chỉ nảy sinh ý trí khi thấy bộ tu lơ khơ trong phòng của quán nên cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội mục đích thu lời bất chính.

Đối với bị cáo Tô Văn T: Là người khởi sự nên xác định giữ vai trò chính.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 BLHS.

- Đối với các bị cáo: Nguyễn Văn Q, Bùi Trọng Q, Lê Trung E, Tô Văn D:

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 BLHS.

Xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, tính chất mức độ hành vi ít nghiêm trọng, hiểu biết pháp luật hạn chế, sống vùng sâu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có đơn xin cải tạo tại địa phương. Hội đồng xét xử thấy

rằng không cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà có thể áp dụng Điều 65 BLHS, Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP và Nghị quyết số 01/2022/NQ - HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Cho các bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính Q địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự kFn hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự là phạt tiền sung quỹ Nhà nước. Riêng bị cáo Q có hoàn cảnh khó khăn gia đình thuộc diện cận nghèo có đơn xin miễn án phí, tiền phạt bổ sung được chính Q xóm xã xác nhận nên miễn tiền phạt đối với bị cáo Q.

[5] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy gồm sau: 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 Q bài; 01 (một) ví da màu đen.

Đối với số tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 16.401.000 (Mười sáu triệu bốn trăm lẻ một nghìn đồng). Xét thấy, tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 7.100.000 đồng (Bảy triệu một trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam thu giữ tại biên bản bắt người quả tang các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

Các bị cáo Tô Văn D khi tham gia đánh bạc có khoảng 5.511.000 đồng và sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc đã bị thu giữ tại bàn. Còn khoảng 4.011.000 đồng không sử dụng đánh bạc, Tô Văn T khi tham gia đánh bạc có khoảng 4.200.000 đồng và sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc đã bị thu giữ. Còn 3.000.000 đồng không sử dụng để đánh bạc, Bùi Trọng Q khi tham gia đánh bạc có khoảng 3.890.000 đồng và sử dụng 1.600.000 đồng để đánh bạc đã bị thu giữ, còn 2.290.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Số tiền trên không liên quan đến hành vi phạm tội nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án với bị cáo Tô Văn D 4.011.000; Tô Văn T 3.000.000 đồng. Hoàn trả bị cáo Bùi Trọng Q 2.290.000 đồng.

Đối với 01 bàn gỗ, 05 ghế gỗ quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Hoàng Thị F nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại cho chị F quản lý sử dụng. Chị F không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong vụ án này có chị Hoàng Thị F là chủ quán bia Hải F, địa điểm các bị cáo đánh bạc. Nhưng chị F không biết các bị cáo đánh bạc trong quán nhà mình nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không xử lý là có căn cứ.

Xét đề nghị của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Q là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các bị cáo T, Q, E, D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Trọng Q do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn gia đình thuộc diện cận nghèo và có đơn xin miễn án phí được chính quyền xóm xã xác nhận.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

* **Tuyên bố:** Các bị cáo Tô Văn T, Nguyễn Văn Q, Bùi Trọng Q, Lê Trung E, Tô Văn D phạm tội: “*Đánh bạc*”.

* **Về hình phạt:**

1. Áp dụng: Khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 58; 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt **Tô Văn T** 12 (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi tư*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

2. Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 58; 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt **Nguyễn Văn Q** 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 58; 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt **Bùi Trọng Q** 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Miễn phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

4. Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 58; 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt **Lê Trung E** 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

5. Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 58; 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt **Tô Văn D** 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Tô Văn T, Tô Văn D cho Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn Q, Bùi Trọng Q, Lê Trung E cho Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

*** Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 BLHS ; Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng gồm sau: 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 Q bài; 01 (một) ví da màu đen.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 7.100.000 đồng (*Bảy triệu một trăm mười nghìn đồng*) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam là số tiền liên quan đến hành vi phạm tội.

Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền do không liên quan đến tội phạm của các bị cáo Tô Văn D số tiền 4.011.000đ (*Bốn triệu không trăm mười nghìn đồng*); Tô Văn T số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*); Hoàn trả bị cáo Bùi Trọng Q số tiền 2.290.000 đồng (*Hai triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng*).

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/9/2022 giữa Công an huyện Đ và chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên*).

*** Về án phí sơ thẩm:**

Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Tô Văn T, Nguyễn Văn Q, Lê Trung E, Tô Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Trọng Q.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên bản án. Người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKDND huyện Đ,
- Công an huyện Đ;
- T.H.A DS huyện Đ;
- Bị cáo; người liên quan
- UBND xã HT, huyện Đ;
- UBND xã TL, huyện Đ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quang Tuấn